TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2026/DS-PT
Ngày: 24 - 3 - 2026
"V/v tranh chấp bồi thường
Thiệt hại tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Trung**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hưng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Phan Thanh Hào -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 879/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh ngày 13/8/1953; CCCD: 083153009081 do Cục trưởng CSQLHC về TTXH cấp ngày 20/8/2021 (có mặt);

Nơi thường trú: số D, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Bà T ủy quyền cho chị Lê Thị Hoài T1, sinh ngày 17/03/1973; CCCD số 083173011227 do Cục trưởng CSQLHC về TTXH cấp ngày 09/8/2021 (có mặt).

Nơi thường trú: số D, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH

Địa chỉ: số G, H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số G, H, phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước Đ, chức vụ: Tổng giám đốc. Ông Nguyễn Phước Đ ủy quyền cho ông Lê Minh H, sinh ngày 03/03/1978; CCCD: 08307814784 do Cục trưởng CSQLHC về TTXH cấp ngày 12/8/2021, chức vụ Phó trưởng phòng KTTTPC, Công ty Đ2 – Đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc của Tổng Công ty Đ1 tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 26/3/2025 (Ông H có mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Trương Thị T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024; Đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Hoài T1 trình bày nội dung vụ kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Bà Trương Thị T có thửa đất số 108 tờ số 10 xã G, thửa đất này có 01 cạnh liền ranh với trạm biến điện 110KV. Khi trạm điện 110KV chưa có thì đất bà T đã trồng bưởi, dừa xiêm, vào năm 2012. Mỗi tháng bà T thu hoạch từ 01 – 02 tấn bưởi vào những năm 2016-2019. Đến tháng 4 năm 2019 thì trạm điện 110 KV của Tổng công ty Đ1 bắt đầu khởi công và hoạt động thì những vụ mùa thu hoạch bưởi, dừa của năm 2019 cho tới nay không đạt hiệu quả, cây bưởi bị nhiễm phèn chết, cây bị suy, không cho trái. Dừa bị teo đọt, không phát triển.

Bà T xác định nguyên nhân là do nền trạm điện có sự chênh lệch độ cao so với đất của bà hơn 1m nên từ lúc xây dựng đến khi đi vào hoạt động thì luôn có sự thẩm thấu từ phía trạm điện sang phía đất của bà T. Đặc biệt, mỗi khi mưa thì nước từ trạm điện do phía trạm điện có làm ống thoát nước tháo ra thửa đất của bà nên bao nhiêu phèn từ cát san lấp đều chảy hoặc thẩm thấu qua đất bà, đây là nguyên nhân làm cho những cây trồng của bà T bị thiệt hại từ năm 2019 cho tới nay. Những khoản thiệt hại cụ thể như sau:

Về giá trị các cây trồng gồm:

1. Bưởi da xanh trưởng thành tán lớn, số lượng 30 cây, đơn giá là 3.500.000 đồng/cây, thành tiền là 105.000.000 đồng. Giải trình:

Cây bưởi này trồng trước năm 2012; hiện tại đã bị nhiễm phèn chết chỉ còn lại vài cây; giá ghi 3.500.000 đồng/cây tính luôn vừa thân cây vừa cho trái; giá bưởi năm 2019 từ 30.000 đồng – 40.000 đồng/ kg trái.

2. Bưởi da xanh trưởng thành tán nhỏ, số lượng 42 cây, đơn giá là 2.500.000 đồng/cây, thành tiền là 105.000.000 đồng. Giải trình:Cây bưởi này trồng sau năm 2012 (sau những cây tán lớn khoảng 1 vài năm).

3. Cau: số lượng 480 cây, giá cây là 10.000 đồng/cây, thành tiền 4.800.000 đồng, cây cau mới trồng lúc phát hiện đất bị nhiễm phèn vì trồng cau sẽ hút phèn, đã trồng hết đất, hiện tại đã chết, còn sống khoảng 5-6 cây.

4. Ổi trưởng thành 50 cây, ổi trồng năm 2019, đã chết còn ít gốc và trái không ăn được.

5. Bưởi giống: 200 cây, giá 35.000 đồng/cây, thành tiền 7.000.000 đồng, trồng năm 2019, đã chết, chỉ còn lại vài cây.

6. Vú sữa hoàng kim: số lượng 200 cây, đơn giá 55.000 đồng/cây, thành tiền 11.000.000 đồng, trồng vào năm 2019, hiện giờ còn sống 3-4 cây, còn lại chết hết.

7. Mít ruột đỏ: 200 cây, đơn giá 90.000 đồng/cây, thành tiền 18.000.000 đồng, trồng năm 2019, đã chết hết.

Về chi phí nhân công là 47.980.000 đồng.

- Nhân công làm cỏ tính từ năm 2019 cho tới hiện tại, mà thấy cỏ mọc là thuê nhân công làm, mỗi ngày 300.000 đồng/ngày. Tiền là 8.100.000 đồng.

- Nhân công chuyên chở: Chở cây giống về trồng, thuê xe hoa lâm chở, số tiền là 2.200.000 đồng.

- Nhân công vét mương xả phèn: làm ba đợt thời gian không nhớ, số tiền 10.800.000 đồng

- Nhân công phun thuốc: 35.000 đồng/bình, cứ mỗi tháng phun hai lần, cho số lượng bao nhiêu cây thì không nhớ, tính từ giữa năm 2019 cho tới hiện tại, số tiền 26.880.000 đồng.

Chi phí cơ hội, thành quả công sức lao động: 350.000.000 đồng.

Sự thiệt hại của bà T thì bà có báo cho Ủy ban nhân dân xã G biết, Ủy ban nhân dân xã G có mời hòa giải, làm việc nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Do đó, bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long giải quyết buộc Tổng công ty Đ1 là chủ sở hữu của trạm điện 110 KV phải bồi thường cho bà T, với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 771.370.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện gồm có: Giấy xác nhận của Phạm Minh C, Nguyễn Thanh H1, Bùi Văn T2, Trần Văn N, Võ Minh T3.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2025; ngày 09/4/2025; Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2025; Bản tự khai ngày 9/5/2025 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày:

Công trình trạm biến áp A được thực hiện khởi công vào ngày 25/4/2017 và được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 12 năm 2019 theo quy định. Công trình trên được thực hiện phê duyệt đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh B. Quá trình xây dựng công trình thì đơn vị đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ hoa màu bị thiệt hại do quá

trình thi công xây dựng. Công trình xây dựng thực hiện đánh giá tác động môi trường cho tất cả các hạng mục theo quy định đã được phê duyệt tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Công trình trên được xây dựng trên cơ sở phê duyệt thiết kế, có hệ thống thu gom nước mưa kết nối với hệ thống thoát nước công cộng, không chảy tràn ra xung quanh. Xung quanh khu vực trạm được xây dựng thêm hệ thống taluy bằng đá dày hơn 1,2 mét nên không thể thẩm thấu nước từ trong khu vực trạm ra bên ngoài và có hệ thống rãnh thu gom nước mưa bên ngoài trạm (thuộc phần đất của trạm) để thu gom nước mưa xung quanh. Công trình được xây dựng kiên cố, có tường bao quanh kiên cố, hệ thống thoát nước mưa được thực hiện kết nối hệ thống nước thải công cộng, không thải ra môi trường xung quanh.

Trạm 110 KV được thực hiện vận hành theo cơ chế không người trực (chỉ có bảo vệ thực hiện nhiệm vụ ở phòng bảo vệ bên ngoài) nên nước thải được thu gom và xử lý tại chỗ. Việc Tòa án có yêu cầu thực hiện thủ tục giám định mẫu đất, mẫu nước để xem có phải là nguyên nhân làm cho cây trồng tại thửa đất số 108 tờ bản đồ số 10 xã G của bà T thì Tổng công ty Đ1 không thực hiện và không có yêu cầu Tòa án thực hiện.

Quá trình Tòa án giải quyết phía bà T có nêu Công ty Đ3 (nay là Công ty Đ2 - có địa chỉ số A, Đại lộ Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long) có lấy mẫu đất, mẫu nước tiến hành giám định vào năm 2019 là không có. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, bị đơn không đồng ý bồi thường thiệt hại. Lý do:

Công trình xây dựng trạm 110KV Giao Long thực hiện theo đúng quy định, đã có Quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường, quá trình thi công đã tuân thủ đầy đủ theo quy định pháp luật về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ hoa màu bị thiệt hại do quá trình thi công, xây dựng trên cơ sở phê duyệt thiết kế đúng quy định, có hệ thống thu gom nước mưa theo thiết kế, không chảy tràn ra xung quanh.

Thời hiệu khởi kiện đã hết, thiệt hại xảy ra từ năm 2019 đến năm 2020 và bà T có đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai vào năm 2020 (đã được hỗ trợ theo danh sách năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã G).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ vào các Điều 589, 584, 588, 601, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với Tổng công ty Đ1, về việc tranh chấp "*Yêu cầu Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*".

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/10/2025, ngày 15/10/2025, ngay 27/10/2025 bà Trương Thị T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, thiệt hại tài sản của nguyên đơn là do lỗi của bị đơn; bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không có lỗi làm thiệt hại tài sản của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị T. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 133/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trương Thị T còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Bà Trương Thị T được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/2015 số BK 961862 thửa đất số 108, tờ bản đồ số 10, diện tích 4453,7m^2 đất lúa, tọa lạc ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre. Tại trang 3 Mục IV những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nhận như sau: Căn cứ quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất công trình: Trạm 110Kv Giao Long và đường D Bến Tre G, tỉnh Bến Tre thửa đất số: 108 (10). Diện tích thu hồi: 448,2m^2, loại đất LUC, diện tích còn lại: 4005,5m^2. Thửa đất số 108 (10) có 910,9m^2 thuộc hành lang bảo vệ công trình: Trạm 110Kv Giao Long và đường D Bến Tre G, tỉnh Bến Tre (theo quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện C).

Trạm biến áp A và đường dây 110kV Bến Tre – Giao Long, tỉnh Bến Tre khởi công xây dựng vào ngày 25/4/2017 và đã nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 12/2019.

Bà T cho rằng nguyên nhân dẫn đến phần đất bà đã trồng những cây bưởi, cây dừa của bà bị nước mưa do Trạm điện 110KV hoạt động từ năm 2019 tới nay đã làm nước mưa tràn vào thửa số 108, tờ bản đồ số 10 xã G làm đất của bà bị nhiễm phèn dẫn đến cây trồng bị chết, cây không phát triển, không có trái nếu có trái thì trái nhỏ, không thu hoạch được.

Bà T xác định thiệt hại tài sản của bà T bao gồm tất cả các khoản chi phí cho việc mua cây giống, phân thuốc, làm cỏ, phun thuốc và bà T đã cung cấp chứng cứ là những người trước năm 2019 đã có đến thửa đất của bà T để thu mua bưởi, người đã bán phân thuốc cho bà T trước, người làm công việc dọn cỏ, phun thuốc cho cây trồng, nhưng những tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp cho chỉ nêu chung chung mà không thể xác định chi tiết được cho từng khoản thiệt hại thực tế đã xẩy ra và bà T cũng không cung cấp được những tài liệu chứng cứ chứng minh cho từng khoản thiệt hại thực tế.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2025, xác định được các thửa đất khác có ranh liền kề với trạm 110KV thì thửa đất của họ trồng cây dừa vẫn xanh tốt, cho trái bình thường và xem xét tại thửa đất của bà T có những cây dừa vẫn cho trái, chuối vẫn phát triển, cho trái.

Bà T cho rằng nguyên nhân đã làm cho cây trồng của bà T không tốt và bị chết là do trạm 110KV hoạt động và khi mưa lớn thì nước mưa từ trạm tràn ra đất của bà T bị nhiễm phèn là nguyên nhân gây ra cây chết, không phát triển. Cấp sơ thẩm yêu cầu bà T làm đơn yêu cầu giám định đất có bị nhiễm phèn do trạm 110KV hoạt động gây ra hay không nhưng bà T không thực hiện, bà T vẫn xác định cây chết là do bị nhiễm phèn theo kinh nghiệm làm nông của bà T, để chứng minh cho điều này bà T đã cung cấp 10 tấm ảnh bà

chụp năm 2019 nước có màu vàng phèn và từ đó bà T kết luận do đất, nước tại thửa đất của bà bị nhiễm phèn làm cho cây trồng trên đất của bà T bị chết.

Bị đơn cho rằng trong quá trình xây dựng công trình, đơn vị đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bồi thường giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ hoa màu, việc xây dựng trên cơ sở pháp luật về xây dựng, trong đó thực hiện đánh giá tác động môi trường cho tất cả các hạng mục theo đúng quy định của pháp luật và đã được phê duyệt theo quyết định 834/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguyên nhân dẫn đến thiệt hại tài sản của bà là là do lỗi của Tổng công ty Đ1 nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà T.

Từ những căn cứ trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 133/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Trương Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị T, Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 133/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 589, 584, 588, 601, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với Tổng công ty Đ1, về việc tranh chấp "*Yêu cầu Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*".

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 5: 01;
- Phòng THADS khu vực 5: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang Lê Thành Trung Nguyễn Văn Dũng